TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **110**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2017
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Diễn.
2. Ông Trần Văn Ân.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Thùy Dung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 255/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2016 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Băng T, sinh năm: 1983;
Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Anh Phạm Nguyễn Đăng Kh, sinh năm: 1985;
Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Băng T trình bày:

Chị và anh Phạm Nguyễn Đăng Kh chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Bến Tre vào ngày 16 tháng 8 năm 2011. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến khoảng thời gian cách đây khoảng 3 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng lớn nên chị không thể sống chung với anh Kh được nữa và chị đã mang con về nhà cha mẹ ruột sống và anh chị cũng đã ly thân 03 năm nay. Trong quá trình ly thân anh Kh cũng không quan tâm đến vợ con. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh Kh.

Trong quá trình chung sống chị và anh Kh có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Đăng H, sinh ngày 28/11/2011. Hiện tại, con chung đang sống chung với

chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh Khoa cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung, chị T khai không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã thông báo và tổ chức các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Kh đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 18 tháng 10 năm 2017, anh Kh cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, anh Kh vắng mặt, chị T có mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Kh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Anh Phạm Nguyễn Đăng Kh là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Kh.

- *Về nội dung vụ án:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Kh chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 8 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo chị T trình bày thì sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc chỉ có thời gian đầu, sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, từ mâu thuẫn nhỏ kéo dài dẫn đến mâu thuẫn lớn, anh chị không thể tự giải quyết nên chị đã đem con về nhà cha mẹ ruột sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân cách nay đã 03 năm, không có thời gian quay trở lại. Do không còn tình cảm vợ chồng với anh Kh nữa nên chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Kh. Tòa án đã tiến hành thông báo và tổ chức các phiên hòa giải với mục đích hòa giải cho anh chị đoàn tụ. Tuy nhiên, anh Kh đã bỏ mặc không tham gia. Mặt khác, trong thời gian ly thân anh Kh cũng không quan tâm chăm sóc chị T và các con, không cùng cải thiện tình trạng hôn nhân hiện tại của anh chị để kéo dài đời sống chung mà anh bỏ mặc cho chị T tự giải quyết.

Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T để giải quyết cho chị Tâm được ly hôn với anh Kh.

Về con chung: Chị T và anh Kh có 01 con chung là cháu Phạm Nguyễn Đăng H, sinh ngày 28/11/2011, hiện đang sống với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị T và anh Kh sống ly thân cho đến nay chị T vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ, cháu H vẫn phát triển bình thường nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết nên giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp, để cháu được ổn định tâm sinh lý và việc học hành. Mặt khác, anh Kh vắng mặt tại tòa nên không thể ghi nhận và xem xét ý kiến của anh Kh được, nếu anh Kh có yêu cầu tranh chấp về con chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng cho con, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị T, không trái với quy định pháp luật nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu số tiền là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Chị Nguyễn Thị Băng T được ly hôn với anh Phạm Nguyễn Đăng Kh.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Băng T và anh Phạm Nguyễn Đăng Kh có 01 con chung tên Phạm Nguyễn Đăng H, sinh ngày 28/11/2011. Chị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh Kh phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Anh Phạm Nguyễn Đăng Kh được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Khoa thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84, Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Băng T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Băng T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Tâm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011176 ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày: Đối với nguyên đơn có mặt tại tòa thì kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn vắng mặt tại tòa thì kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND thị trấn T;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thế Trang Đền